

III. ĐỀ NGHỊ CỦA HĐQT TRƯỚC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 cho ý kiến, thông qua về những vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 trình bày trong Báo cáo tài chính năm.
- Thông qua mức cổ tức thanh toán cho các cổ đông năm 2017 là 7,0% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2017. Hình thức chi trả bằng tiền.
- Thông qua việc chi trả phụ cấp trách nhiệm của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2017 và phương thức chi trả phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2018.
- Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Thông qua đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2018 theo đề xuất của Ban Kiểm soát.
- Thông qua việc bầu cử thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022).
- Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung.
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Năm 2018 là năm sẽ có nhiều khó khăn, thách thức đối với Công ty, HĐQT luôn trân trọng những đóng góp quý báu của các cổ đông, người lao động Công ty trong việc xây dựng và phát triển Công ty. HĐQT, Ban Kiểm soát và bộ máy lãnh đạo điều hành Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực, nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh của Công ty, đưa Công ty tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.

Để vượt qua các thách thức và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ mọi mặt của các Quý Cổ đông, các đối tác đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT; BKS
- Cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Bình



TỜ TRÌNH

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

Năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt kế hoạch đề ra.

1. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh đã được ghi trong Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán (Báo cáo kèm theo).

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế (lợi nhuận kế toán)	21.754.188.384
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.373.982.652
3	Lợi nhuận còn lại phân phối tiếp	17.380.205.732
4	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (7% vốn điều lệ)	7.000.000.000
5	Phần lợi nhuận còn lại phân phối tiếp	10.380.205.732
6	Trích Quỹ đầu tư phát triển	0
7	Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý (Bằng 1,0 lần tháng lương thực hiện của viên chức quản lý)	108.000.000
8	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Bằng 1,5 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2017): - Quỹ khen thưởng (20%) - Quỹ phúc lợi (80%)	1.991.595.000 7.966.380.000
9	Phần lợi nhuận còn lại để lại chưa phân phối	314.230.732
1	Lợi nhuận trước thuế (lợi nhuận kế toán)	21.754.188.384

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

BÁO CÁO

TIỀN THÙ LAO THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017, PHƯƠNG ÁN TIỀN THÙ LAO THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017 ngày 21/4/2017, mức thù lao cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát được tính như sau:

1. Thù lao thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát năm 2017:

1.1. Mức thù lao:

Stt	Chức danh	Mức lương cơ bản	Mức thù lao hàng tháng (20% lương cơ bản)
1	Chủ tịch HĐQT	24.700.000 đồng	5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	24.700.000 đồng	4.380.000 đồng
3	Ủy viên HĐQT	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
4	Trưởng Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm)	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
5	Ủy viên Ban Kiểm soát	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng

1.2. Số thù lao chi trả năm 2017:

Số tiền đã chi trả cho năm 2017 chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền thù lao Năm 2017
1	Vũ Văn Hà	Chủ tịch HĐQT	61.680.000 đồng
2	Đoàn Hữu Thung	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	52.560.000 đồng
3	Phan Tiến Hải	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	52.560.000 đồng
4	Nguyễn Minh Hải	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	52.560.000 đồng
5	Vũ Hữu Long	Ủy viên HĐQT	52.560.000 đồng
6	Vũ Minh Chiến	Ủy viên Ban Kiểm soát (từ 01 đến 7/2017)	28.000.000 đồng
7	Bùi Thị Phương Thảo	Ủy viên Ban Kiểm soát (10 tháng)	40.000.000 đồng
8	Cao Thị Nhung	Ủy viên Ban Kiểm soát (từ 01/12/2017)	4.000.000 đồng
	Tổng số		343.920.000 đồng

2. Phương án mức thù lao thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát năm 2018:

Mức thù lao thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát năm 2018 được tính như năm 2017, cụ thể như sau:



Stt	Chức danh	Mức lương cơ bản	Mức thù lao hàng tháng (20% lương cơ bản)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	24.700.000 đồng	5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	24.700.000 đồng	4.380.000 đồng
3	Ủy viên HĐQT	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
4	Trưởng Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm)	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
5	Ủy viên Ban Kiểm soát	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình



TỜ TRÌNH

**Thông qua việc bầu cử thay thế thành viên HĐQT Công ty
nhiệm kỳ III (2017-2022)**

Thực hiện Quyết định số 322/QĐ-TKV ngày 27/02/2018 của Hội đồng thành viên TKV về việc thay đổi người đại diện quản lý phần vốn của TKV và người đại diện của TKV tham gia HĐQT Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin, ngày 01/3/2018 HĐQT Công ty đã họp và quyết nghị các nội dung:

- Chấp thuận đề ông Vũ Văn Hà thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty, thôi tham gia HĐQT Công ty.

- Chấp thuận kết quả bầu ông Lê Quang Bình – Trưởng ban, thành viên Ban quản lý vốn TKV làm thành viên HĐQT Công ty và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty trình các nội dung nêu trên để Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

TỜ TRÌNH

**Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin**

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ mẫu công ty cổ phần áp dụng cho các công ty con trong TKV ban hành kèm theo Văn bản số 1303/TKV-TCNS ngày 22/3/2018 của TKV,

Hội đồng quản trị Công ty đã dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018 thông qua.

Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung được gửi kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

TỜ TRÌNH

**Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Kinh doanh than
Miền Bắc-Vinacomin**

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017,

Hội đồng quản trị Công ty đã dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018 thông qua.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty gửi kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Quang Bình

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017
TRƯỚC ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KD THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN
NĂM 2018

Kính thưa các quý vị cổ đông.

Kính thưa quý vị đại biểu.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc, ngày 21 tháng 4 năm 2017;

Căn cứ vào Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2017 giữa Tập đoàn TKV với Công ty kinh doanh than Miền Bắc và Kế hoạch điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính 12 tháng năm 2017 của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin sau kiểm toán được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM. Ban kiểm soát không tham gia giám sát kiểm kê, căn cứ vào số liệu kiểm kê của Công ty kiểm toán độc lập Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM và các phòng của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về Hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty; Tính đầy đủ hợp lý, hợp pháp, trung thực của Báo cáo tài chính năm 2017 trước ĐHĐCĐ năm 2018 như sau:

I. Thẩm định và thống nhất số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty :

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện 12 tháng 2017	Thực hiện 12 tháng so KH năm 2017
A	B	C	1	2	3
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
a	Than mua vào	Tấn	2,000,000	2,218,654	110.93
b	Than bán ra	Tấn	2,200,000	2,444,560	111.12
	Trong đó: - Than tự doanh	Tấn		1,585,093	

	- Nội bộ đơn vị trong TKV	Tấn		28	
	- Than giao lại TKV	Tấn		859,438	
2	Doanh thu tổng số:	Tr. đồng	3,988,000	4,201,420	105.35
a	Doanh thu than	"		4,104,391	
b	Phí dịch vụ tiêu thụ than			9,379	
c	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"		51,532	
d	Phí vận chuyển, bốc xếp than dịch vụ	"		19,175	
e	Doanh thu kinh doanh khác	"		16,943	
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	"		3,945,504	
4	Giá trị sản xuất(Lãi gộp)= (2) - (3)	"		255,916	
5	Giá trị sản xuất tính long(Bằng lãi gộp trừ vận, chuyển bốc xếp bán hàng thuê ngoài tại cuối nguồn)	"	171,290	176,582	103%
6	Chi phí SXKD:			259,502	
6.1	Chi phí trung gian:			152,998	
	Trong đó: Chi phí VC,BX bán hàng thuê ngoài:			79,334	
6.2	Giá trị gia tăng (GDP):	Tr. đồng		106,504	
	- Khấu hao tài sản	"		13,115	
	- Tổng quỹ lương thực hiện		78,236	79,663	
	+ Tiền lương người lao động	"	76,935	78,362	
	+ Tiền lương VCQL chuyên trách		1,301	1,301	
	- Thù lao HĐQT,BKS			313.0	
	- Bảo hiểm,BHYT,KPCĐ	"		8,970	
	- Thuế (trong giá thành)	"		4,443	
7	Thu nhập, chi phí tài chính:	Tr. đồng	-	26,275	
7.1	Thu nhập tài chính:	"		64,675	
7.2	Chi phí tài chính:	"	-	38,400	
	Trong đó: - Lãi vay	"		25,154	

DOR
 UNG
 CỐ
 MINH

	- Lãi chậm trả, chiết khấu T.toán	"		13,246	
8	Thu nhập, chi phí khác:	Tr. đồng	-	(935)	
8.1	Thu nhập khác	"		1,493	
8.2	Chi phí khác	"		2,428	
9	Tổng lợi nhuận:	"	10,500	21,754	207%
10	Nộp ngân sách:	Tr. đồng	Theo chế độ	33,605	
11	Đơn giá tiền long:		449	444	99%
12	Quý lương thực tế hạch toán vào giá thành:		78,236	79,663	102%
14	Số dư tiền lương đầu năm:		6,674	6,674	100%
15	Tiền lương đã chi trong năm:		79,910	71,533	90%
16	Số dư tiền lương cuối năm:		5,000	14,804	296%
17	Lao động	Người			
	Số lao động đầu năm 01/01/2017	"		830	
	số lao động tiết giảm 12 tháng năm 2017	"		43	
	Lao động tiếp nhận trong TKV	"		1	
	Số lao động có mặt đến 30/9/2017	"		788	
	Lao động bình quân:	Người	845	801	94.79
	Trong đó:				
	- Lao động		841	797	94.77
	- VCQL		4	4	100.00
18	Tiền lương bình quân:				
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	7,716,000	8,288,000	107.41
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	7,623,000	8,193,000	107.48
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	27,104,000	27,104,000	100.00
19	Năng suất lao động				
	- Doanh thu trừ(-) chi phí chưa có Lương:	Tr. đồng	88,736	101,417	114.29
	- N.suất lao động: (DT-CP chưa có Lương)/Ng	Trđ/ng/năm	105	127	120.57
20	Chế độ ăn ca:	Triệu đ			

39 - HÂN DANH MIỀN VINH

			5,000	4,107	82.14
21	Hạn mức vay vốn ngắn hạn:	Trđ	600,512	360,113	59.97
22	Vốn chủ sở hữu:	Trđ	166,609	178,636	107.22
23	Than tồn kho:	Tấn	300,000	177,126	59,04
24	Thực hiện XDCB		14,236	4,375	30,7
	Trong đó: Dự án chuyển tiếp		3,542	1,965	55,4
	Dự án mới		10,694	2,410	22,5
	Trong đó: - Nguồn quỹ ĐTPT		14,236	4,375	73.72
	- Nguồn khấu hao				
	- Nguồn vay				
25	Tổng nợ phải thu	Triệu đ	300,000	250,993	83.66
26	Tổng nợ phải trả	Triệu đ	748,896	495,703	66.19
27	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	Lần	4.49	2.77	61.73
28	Hệ số nợ phải trả/ Vốn Điều lệ	Lần	7.5	5.0	66.19
29	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1.006	1.072	106.58

C.T.C
 HẠN
 ÁC
 OMIN
 UÂN

2. Tình hình hoạt động về tài chính của Công ty

2.1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tăng, giảm		Tỷ lệ % cuối kỳ so với đầu năm
					Số tiền	Tỷ lệ %	
A	b	C	1	2	3=1-2	4=3/2	5=1/2
A	Tài sản ngắn hạn	100	583,575,135,340	1,091,864,178,453	(508,289,043,113)	-46.55	53.45
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	23,742,962,014	12,377,598,486	11,365,363,528	91.82	191.82
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	250,993,069,778	380,889,949,692	(129,896,879,914)	-34.10	65.90
4	Hàng tồn kho	140	297,996,258,355	664,531,527,036	(366,535,268,681)	-55.16	44.84
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	10,842,845,193	34,065,103,239	(23,222,258,046)	-68.17	31.83

B	Tài sản dài hạn	200	90,765,026,671	101,419,785,498	(10,654,758,827)	-10.51	89.49
1	Các khoản phải thu dài hạn	210					
2	Tài sản cố định	220	89,513,524,405	95,941,700,992	(6,428,176,587)	-6.70	93.30
	Tài sản cố định hữu hình	221	56,522,458,704	61,967,209,143	(5,444,750,439)	-8.79	91.21
	Tài sản cố định thuê tài chính	224			-		
	Tài sản cố định vô hình	227	32,991,065,701	33,974,491,849	(983,426,148)	-2.89	97.11
3	Bất động sản đầu tư	230			-		
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	629,032,844	2,941,250,946	(2,312,218,102)	-78.61	21.39
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250			-		
6	Tài sản dài hạn khác	260	622,469,422	2,536,833,560	(1,914,364,138)	-75.46	24.54
	Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	270	674,340,162,011	1,193,283,963,951	(518,943,801,940)	-43.49	56.51
C	Nợ phải trả	300	495,703,317,367	1,026,674,864,788	(530,971,547,421)	-51.72	48.28
1	Nợ ngắn hạn	310	495,703,317,367	1,026,674,864,788	(530,971,547,421)	-51.72	48.28
2	Nợ dài hạn	330			-		
D	Vốn chủ sở hữu	400	178,636,844,644	166,609,099,163	12,027,745,481	7.22	107.22
1	Vốn chủ sở hữu	410	178,636,844,644	166,609,099,163	12,027,745,481	7.22	107.22
	Vốn góp của chủ sở hữu	411	100,000,000,000	100,000,000,000	-	0.00	100.00
	Vốn khác của chủ sở hữu	414	50,864,497,038	44,865,148,802	5,999,348,236	13.37	113.37
	Quỹ đầu tư phát triển	418	10,392,141,874	16,240,435,717	(5,848,293,843)	-36.01	63.99
	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-		
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-		
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17,380,205,732	5,503,514,644	11,876,691,088	215.80	315.80
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5,503,514,644		0.00	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17,380,205,732				
	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422					
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-		
1	Nguồn kinh phí	431					
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432					
	Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	674,340,162,011	1,193,283,963,951	(518,943,801,940)	-43.49	56.51



2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	12T năm 2017	12T năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	4 201 420 373 601	6 459 726 611 647
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		4 201 420 373 601	6 459 726 611 647
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	3 945 504 251 511	6 081 201 789 102
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		255 916 122 090	378 524 822 545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	64 675 539 369	1 062 045 875
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	38 400 227 764	29 409 906 420
Tr.đó: Chi phí lãi vay	23		25 154 184 926	14 315 145 552
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	233 732 640 679	320 255 739 582
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	25 769 162 129	19 269 171 430
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {20+(21-22)-(25+26)}	30		22 689 630 887	10 652 050 988
11. Thu nhập khác	31	VII.6	1 493 125 621	4 992 801 194
12. Chi phí khác	32	VII.7	2 428 568 124	8 104 875 561
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		- 935 442 503	- 3 112 074 367
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		21 754 188 384	7 539 976 621
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	4 373 982 652	2 036 461 977
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17 380 205 732	5 503 514 644
18. Lãi trên cổ phiếu*	70		1,738	550
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu*	71			

2.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Lũy kế 12 tháng 2017	Lũy kế 12 tháng 2017	Số còn phải nộp cuối kỳ
				Số phải nộp	Số đã nộp	
A	B	C	1	4	6	6
I	Thuế (10=11+12+13+14+15+16+17+18+19)	10	2,532,912,793	33,501,650,517	32,185,653,329	3,848,909,981
1	Thuế giá trị gia tăng	11	2,085,722,541	24,891,670,690	25,874,379,458	1,103,013,773
-	Hàng nội địa	11.1	2,085,722,541	24,891,670,690	25,874,379,458	1,103,013,773
-	Hàng nhập khẩu	11.2				-
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	12				

3	Thuế xuất, nhập khẩu	13	-	544,698,648	544,698,648	-
-	Thuế xuất khẩu	13.1		544,698,648	544,698,648	-
-	Thuế nhập khẩu	13.2				-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	326,786,764	4,373,982,652	2,114,064,185	2,586,705,231
5	Thuế thu nhập cá nhân	15	80,802,228	213,471,547	183,170,458	111,103,317
6	Thuế tài nguyên	16	3,600,000	31,003,000	34,603,000	-
7	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	17	36,001,260	3,332,472,639	3,320,386,239	48,087,660
8	Thuế bảo vệ môi trường	18	-			-
9	Các loại thuế khác	19	-	114,351,341	114,351,341	-
	<i>Trong đó: + Thuế môn bài</i>			<i>90,000,000</i>	<i>90,000,000</i>	
II	Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30	317,460	103,325,601	103,643,061	-
1	Phí bảo vệ môi trường	31	317,460	555,600	873,060	-
2	Phí sử dụng tài liệu địa chất	32				-
3	Tiền cấp quyền khai thác	33				-
4	Các khoản phụ thu	34				-
5	Các khoản phí, lệ phí	35		63,000	63,000	-
6	Các khoản khác	36		102,707,001	102,707,001	-
						-
	Tổng cộng (40=10+30)		2,533,230,253	33,604,976,118	32,289,296,390	3,848,909,981

2.4Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 100.000.000.000 đồng.

* Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	(VND)	%	(VND)	%
Tập đoàn TKV	67.440.000.000	67,44	67.440.000.000	67,44
Các thể nhân	32.560.000.000	32,56	32.560.000.000	32,56
Tổng cộng	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

Năm 2017, TKV áp dụng cơ chế thanh toán trong việc mua hàng mới: Trả trước tiền mua than hoặc phải có bảo lãnh của ngân hàng, do đó việc đàm phán, thỏa thuận của các đơn vị trực thuộc TMB với khách hàng rất khó khăn. Tình hình chung của năm 2017 đối với Công ty và TKV là khó khăn đặc biệt là thị trường tiêu thụ than. Trước những khó

khẩn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty và các đơn vị trực thuộc đã tập trung triển khai kịp thời các chỉ đạo của TKV, các chỉ tiêu mua bán và doanh thu đều phải điều chỉnh kế hoạch, nhưng Công ty vẫn đảm bảo ổn định tài chính và thu nhập cho người lao động. Lợi nhuận đạt cao 21,754 tỷ bằng 207,18% so với kế hoạch, thu nhập bình quân tiền lương trích chi phí sản xuất trong kỳ đạt 8.288 nghìn đồng/người/tháng. Hàng tồn kho giảm so với đầu năm 366.535 triệu đồng, tổng nợ phải thu giảm 129.897 triệu đồng (Trong đó nợ phải thu khách hàng giảm 240.395 triệu), nợ phải trả giảm 530.972 triệu đồng.

- Công ty Thực hiện bảo toàn và phát triển vốn cổ đông:

Năm 2017 Hệ số bảo toàn và phát triển vốn của Công ty thực hiện 1,072. Hệ số bảo toàn và phát triển vốn của công ty > 1 Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn;

- Hiệu quả hoạt động sử dụng vốn và tài sản 12 tháng năm 2017 Công ty thực hiện:

- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế thực hiện trên vốn chủ sở hữu đạt 12,196%
- + Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) 9,73 %
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) đạt 2,58 %

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và khả năng thanh toán thực hiện:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thực hiện: 2,77 lần/KH 4,49 lần; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ năm 2016: 6,16 lần; năm 2017 giảm so với năm 2016: 3,39 lần.

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: Công ty thực hiện hệ số tài sản ngắn hạn trên nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2017 đạt 1,18 lần; Công ty có khả năng thanh toán hiện thời đảm bảo.

- Quản lý công nợ phải thu:

Tổng công nợ phải thu của khách hàng tính đến thời điểm 31/12/2017 là 140.458 triệu đồng. số dư nợ phải thu của khách hàng giảm so với đầu năm là 240.395 triệu đồng so với đầu năm. Công ty đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thu hồi công nợ cũ năm 2016, các đơn vị đã có nhiều biện pháp để thu hồi công nợ tiền thân của khách hàng, nên tình hình tài chính của toàn Công ty 12 tháng đã ổn định, thanh toán nợ cho TKV đúng quy định. Tuy nhiên một số đơn vị trực thuộc vẫn có một vài hộ khách hàng công nợ kéo dài từ 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 như Công ty KD than Hà Nam Ninh, Xí nghiệp KD than Cầu Đuống. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khách hàng trên vào báo cáo tài chính năm 2017 tại thời điểm 31/12/2017. Công ty chỉ đạo quyết liệt các đơn vị trực thuộc thu hồi công nợ, trong quý I năm 2018 công ty đã thu hồi được một số khoản công nợ kéo dài, số công nợ thu hồi sẽ được giảm trừ trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong báo cáo quý I năm 2018. Công ty vẫn tiếp tục chỉ đạo quyết liệt thu hồi công nợ kéo dài trên.

- Quản lý công nợ phải trả:

Nợ phải trả đến 31/12/2017 là 495.703 triệu đồng, giảm so với đầu năm là: 530.972 triệu đồng.

Trong đó:

+ Nợ phải trả nhà cung cấp tính đến thời điểm 31/12/2017 là: 65.634 triệu đồng, giảm so với đầu năm 535.246 triệu đồng.

+ Vay và nợ thuê tài chính đến 31/12/2017: 360.113 triệu đồng, giảm so với đầu năm 39.887 triệu đồng. Hạn mức vốn vay thực hiện/ kế hoạch năm là 60% (360.113/600.512 triệu đồng, Công ty thực hiện trong hạn mức kế hoạch.

39
HÀ
MIỀN
V
HÀ

- Công tác tuyển dụng, tiếp nhận lao động, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động thực hiện theo đúng quy định. Thực hiện chủ trương tiết giảm lao động theo đúng chỉ đạo của TKV, đến hết năm 2017, toàn Công ty đã tiết giảm được 43 lao động.

Việc giao khoán, theo dõi các đơn vị thực hiện đơn giá tiền lương, chi lương cho người lao động thực hiện cụ thể có hiệu quả. Năm 2017, Công ty đã bổ sung tiền lương cho người lao động đối với một số đơn vị tiền lương còn thấp để đảm bảo ổn định đời sống, để người lao động yên tâm công tác.

-Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2017 của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin năm 2017 Công ty đầu tư 05 dự án công trình (sau khi đã cắt giảm và điều chuyển sang năm sau) với tổng vốn đầu tư 14,236 tỷ đồng trong đó 02 công trình chuyển tiếp từ năm 2016 với tổng vốn đầu tư 3,542 tỷ đồng, dự án mới là 10,694 tỷ đồng.

Công tác quản lý đất đai đã được tập trung rà soát, tổng hợp. Có một số đơn vị chưa hoàn thành việc chuyển đổi quản lý đất về TMB, Công ty và các đơn vị cần khẩn trương thực hiện hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 2018.

Công ty đã xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2017- 2020 theo hướng dẫn của TKV.

Công ty cũng đã phát hành công văn số 196/TMB-ĐTVT ngày 20/02/2017 về việc hướng dẫn một số tiêu chí lựa chọn nhà thầu trong xây dựng đối với các công trình có vốn đầu tư nhỏ hơn 5 tỷ.

Đến ngày 31/12/2017 công ty thực hiện đầu tư năm 2017 : Tổng giá trị thực hiện ước tính là 10,495 tỷ đồng đạt 74% kế hoạch năm, trong đó hoàn thành 02 công trình, còn 03 công trình đang trong giai đoạn thi công xây dựng và dự kiến hoàn thành trong quý I năm 2018. Công ty đã đưa vào quyết toán 4,375 tỷ đồng bằng 30.7% kế hoạch năm, trong đó dự án chuyển tiếp 1,965 tỷ đồng bằng 55,4 % kế hoạch năm, dự án mới 2,41 tỷ đồng bằng 22,5 % kế hoạch năm.

-Nguồn hình thành TSCĐ và đầu tư XD CB dở dang

Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty có giá trị còn lại của TSCĐ và đầu tư XD CB dở dang là:

- Tài sản cố định:	89.514 triệu đồng
- Tài sản dở dang dài hạn:	629 triệu đồng
- Tài sản dài hạn khác :	622 triệu đồng
Tổng cộng:	90.765 triệu đồng

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu là:

- Vốn góp của chủ sở hữu:	100.000 triệu đồng
- Vốn khác của chủ sở hữu:	50.864 triệu đồng
- Quỹ đầu tư phát triển:	10.329 triệu đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối:	17.380 triệu đồng
Tổng cộng:	178.636 triệu đồng

Như vậy Công ty cân đối đủ nguồn đầu tư cho TSCĐ và đầu tư XD CB dở dang.

Báo cáo tài chính năm 2017 Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận mà chờ họp Hội đồng quản trị và thông qua tại Đại hội cổ đông.

II. Giám sát Hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty năm 2017

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý; ban hành nghị quyết về công tác tổ chức sản xuất, công tác tài chính, Công tác đầu tư xây dựng, Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, và về các lĩnh vực khác. Tháng 1 năm 2017 Công ty đã đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội .

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Đại hội thông qua các nội dung quan trọng về kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch năm 2017.

HĐQT đã tổ chức họp để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh. Năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 24 cuộc họp: 01 cuộc họp về kiểm điểm cán bộ quản lý năm 2016 và đưa ra 23 nghị quyết để thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh:

– Đã họp và thông qua 03 văn bản liên quan đến Tổ chức SXKD, tài chính:

- + Chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017;
- + Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán của Công ty; nội dung và ngày thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2016.
- + Tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 của Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin.

- Thông qua 05 nội dung về công tác đầu tư năm 2017: phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017 của Công ty CPKD than Miền Bắc

- Thông qua 11 nội dung về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương:

+ Thông qua việc áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty mẹ - TKV đối với Công ty; thông qua quy định tiêu chuẩn và điều kiện nâng bậc lương đối với các nhóm chức danh áp dụng trong Công ty.

- Đã họp và thông qua 04 nội dung lĩnh vực khác:

+ Thay đổi đăng ký hoạt động chi nhánh (Thay đổi người đứng đầu) Công ty KD than Bắc Thái

+ Thay đổi đăng ký hoạt động chi nhánh (Thay đổi người đứng đầu) Công ty KD than Bắc Lạng

+ Thay đổi đăng ký hoạt động chi nhánh (Thay đổi người đứng đầu) Trạm KD than bùn Hòn gai.

+ Giao thư ký công ty thực hiện nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị đã ban hành QĐ số 21/QĐ-HĐQT ngày 11/01/2017 v/v áp dụng hệ số thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin.

Hội đồng quản trị đã ban hành QĐ 169 ngày 8/2/2017 QĐ-HĐQT v/v ban hành quy trình công bố thông tin Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin.

Các cuộc họp của HĐQT, Ban Kiểm soát đã được tham dự.

2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty:

Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ nghiêm túc các Quyết định của TKV về kinh doanh than năm 2017. Công ty đã hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của TKV về ký hợp đồng, viết hóa đơn, thu tiền bán than, thanh toán tiền bán than, thanh toán phí dịch vụ tiêu thụ than, thanh toán bù trừ công nợ trong nội bộ Tập đoàn, bám sát kế hoạch điều hành, duy trì công tác chế biến, pha trộn than, ổn định thị trường tiêu thụ.

Công ty và các đơn vị trực thuộc thực hiện việc điều hành tiêu thụ than đúng quy định đề ra, đổi mới công tác điều hành công ty đã thành lập bộ phận chuyên trách về điều hành tiêu thụ than; đổi mới từ tổ chức đăng ký kế hoạch hàng tháng, hàng tuần đến việc viết giấy giới thiệu, tiến hành các thủ tục thanh toán để nhận hàng, tổ chức kiểm soát hành trình vận chuyển than về cuối nguồn, kiểm soát nguồn than bán cho khách hàng sử dụng, bám sát số liệu hàng tồn kho để có chỉ đạo nhập than và tiêu thụ phù hợp, hạn chế được chi phí phát sinh do hàng tồn kho. Tổ chức thực hiện giao nhận than hộ lớn được các đơn vị trực thuộc duy trì tốt, bố trí bộ máy và phân công thực hiện nhiệm vụ hợp lý, bám sát chỉ đạo và kế hoạch điều hành hàng tháng của TKV; chủ động trao đổi với khách hàng và đơn vị vận tải, bám sát tình hình thanh toán tiền than của khách hàng. Thực hiện giao nhận, đối chiếu công nợ và thanh toán đúng chỉ đạo của TKV và hợp đồng với khách hàng.

Duy trì tổ chức công tác quản lý giá bán than căn cứ vào các quy định hướng dẫn giá của TKV từ đó chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc xây dựng giá bán cho khách hàng.

Công ty và các đơn vị trực thuộc duy trì tốt công tác kế toán, báo cáo tài chính, thống kê, quyết toán chi phí với TKV đúng quy định, kịp thời.

Công tác tuyển dụng, tiếp nhận lao động, giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động thực hiện theo đúng quy định.

Công ty đã chỉ đạo sát sao từng đơn vị để đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.

Duy trì tốt công tác an toàn lao động, triển khai áp dụng đúng quy định các biện pháp an toàn, bảo hộ lao động.

Công ty ban hành các quyết định quản lý:

- QĐ 40/ TMB-TCNS ngày 17/01/2017 hướng dẫn áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương từ 01/01/2017.

- QĐ 175/QĐ-TMB ngày 09/02/2017 v/v ban hành quy định quản lý và sử dụng hóa đơn bán hàng trong Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin, quyết định có hiệu lực từ 15/02/2017.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về thẩm định báo cáo tài chính 2017 Công ty như trên.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Công ty thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông CTy (Báo cáo);
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Lưu TK CTy.



Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017, KẾ HOẠCH
KIỂM SOÁT NĂM 2018**
TRƯỚC ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KD THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN
NĂM 2018

Kính thưa các quý vị cổ đông.

Kính thưa quý vị đại biểu.

Thực hiện Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 165 Luật doanh nghiệp (Luật số 68/2014/QH 13) và Điều 8 Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của bộ Tài chính; Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin;

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về kết quả hoạt động của BKS Công ty năm 2017, kế hoạch kiểm soát năm 2018 trước ĐHĐCĐ năm 2018 như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện 12 tháng 2017	Thực hiện 12 tháng so KH năm 2017
A	B	C	I	2	3
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
a	Than mua vào	Tấn	2,000,000	2,218,654	110.93
b	Than bán ra	Tấn	2,200,000	2,444,560	111.12
	Trong đó: - Than tự doanh	Tấn		1,585,093	
	- Nội bộ đơn vị trong TKV	Tấn		28	
	- Than giao lại TKV	Tấn		859,438	
2	Doanh thu tổng số:	Tr. đồng	3,988,000	4,201,420	105.35

a	Doanh thu than	"		4,104,391	
b	Phí dịch vụ tiêu thụ than			9,379	
c	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"		51,532	
d	Phí vận chuyển, bốc xếp than dịch vụ	"		19,175	
e	Doanh thu kinh doanh khác	"		16,943	
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	"		3,945,504	
4	Giá trị sản xuất(Lãi gộp)= (2) - (3)	"		255,916	
5	Giá trị sản xuất tính long(Bằng lãi gộp trừ vận, chuyển bốc xếp bán hàng thuê ngoài tại cuối nguồn)	"	171,290	176,582	103%
6	Chi phí SXKD:			259,502	
6.1	Chi phí trung gian:			152,998	
	Trong đó: Chi phí VC,BX bán hàng thuê ngoài:			79,334	
6.2	Giá trị gia tăng (GDP):	Tr. đồng		106,504	
	- Khấu hao tài sản	"		13,115	
	- Tổng quỹ lương thực hiện		78,236	79,663	
	+ Tiền lương người lao động	"	76,935	78,362	
	+ Tiền lương VCQL chuyên trách		1,301	1,301	
	- Thù lao HĐQT,BKS			313.0	
	- Bảo hiểm,BHYT,KPCĐ	"		8,970	
	- Thuế (trong giá thành)	"		4,443	
7	Thu nhập, chi phí tài chính:	Tr. đồng	-	26,275	
7.1	Thu nhập tài chính:	"		64,675	
7.2	Chi phí tài chính:	"	-	38,400	
	Trong đó: - Lãi vay	"		25,154	
	- Lãi chậm trả, chiết khấu T.toán	"		13,246	
8	Thu nhập, chi phí khác:	Tr. đồng	-	(935)	
8.1	Thu nhập khác	"		1,493	

8.2	Chi phí khác	"		2,428	
9	Tổng lợi nhuận:	"	10,500	21,754	207%
10	Nộp ngân sách:	Tr. đồng	Theo chế độ	33,605	
11	Đơn giá tiền lương:		449	444	99%
12	Quỹ lương thực tế hạch toán vào giá thành:		78,236	79,663	102%
14	Số dư tiền lương đầu năm:		6,674	6,674	100%
15	Tiền lương đã chi trong năm:		79,910	71,533	90%
16	Số dư tiền lương cuối năm:		5,000	14,804	296%
17	Lao động	Người			
	Số lao động đầu năm 01/01/2017	""		830	
	số lao động tiết giảm 12 tháng năm 2017	""		43	
	Lao động tiếp nhận trong TKV	""		1	
	Số lao động có mặt đến 30/9/2017	""		788	
	Lao động bình quân:	Ngời	845	801	94.79
	Trong đó:				
	- Lao động		841	797	94.77
	- VCQL		4	4	100.00
18	Tiền lương bình quân:				
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	7,716,000	8,288,000	107.41
	- Tiền lương BQ ngời lao động	đ/ng/th	7,623,000	8,193,000	107.48
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	27,104,000	27,104,000	100.00
19	Năng suất lao động				
	- Doanh thu trừ(-) chi phí chưa có lương:	Tr. đồng	88,736	101,417	114.29
	- N.suất lao động: (DT-CP chưa có L□ong)/Ng	Trđ/ng/năm	105	127	120.57
20	Chế độ ăn ca:	Triệu đ	5,000	4,107	82.14
21	Hạn mức vay vốn ngắn hạn:	Trđ	600,512	360,113	59.97
22	Vốn chủ sở hữu:	Trđ	166,609	178,636	107.22
23	Than tồn kho:	Tấn			

			300,000	177,126	59,04
24	Thực hiện XDCB		14,236	4,375	30,7
	Trong đó: Dự án chuyển tiếp		3,542	1,965	55,4
	Dự án mới		10,694	2,410	22,5
	Trong đó: - Nguồn quỹ ĐTPT		14,236	4,375	73.72
	- Nguồn khấu hao				
	- Nguồn vay				
25	Tổng nợ phải thu	Triệu đ	300,000	250,993	83.66
26	Tổng nợ phải trả	Triệu đ	748,896	495,703	66.19
27	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	Lần	4.49	2.77	61.73
28	Hệ số nợ phải trả/ Vốn Điều lệ	Lần	7.5	5.0	66.19
29	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1.006	1.072	106.58

2. Hoạt động và kinh phí của Ban kiểm soát:

Công ty đã thực hiện chi trả phụ cấp cho hai thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2017: mỗi thành viên BKS được trả 4 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã thực hiện chi trả lương thu nhập cho Trưởng ban kiểm soát bằng mức lương thu nhập phó tổng giám đốc theo đúng quy định.

Để nắm bắt tình hình hoạt động, kinh doanh của Công ty, Ban đã dự các cuộc họp của HĐQT công ty, Ban lãnh đạo điều hành về điều hành, họp giao ban, sơ kết, tổng kết năm của Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát căn cứ vào kế hoạch năm để triển khai, đầu năm 2017 Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm soát năm. Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát khoán quản trị chi phí, công nợ, hàng tồn kho tại công ty, các đơn vị trực thuộc, chọn mẫu một số trạm góp phần vào công tác quản lý tài chính, tiền hàng, kho hàng, hạn chế các khoản công nợ kéo dài, tồn kho lâu. Hết năm 2017 Công ty đã hoàn thành nhiều chỉ tiêu kế hoạch, kinh doanh có lãi, đời sống cán bộ công nhân viên được ổn định. Công ty bảo toàn được vốn.

Hàng tháng Ban làm việc tại Công ty mẹ: Công ty CPKD than Miền Bắc về các vấn đề như công nợ, kho hàng, lao động tiền lương, giám sát công tác tài chính kế toán, Hàng Quý, năm ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính tại đơn vị, lập biên bản kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành về các mặt như văn bản quy chế quy định, thực hiện kế hoạch, công tác tài chính kế toán, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hàng Quý ban kiểm soát lập báo cáo hoạt động kiểm soát, báo cáo giám sát tại đơn vị gửi Tập đoàn TKV đúng nội dung yêu cầu và đảm bảo thời gian nộp báo cáo.

Ngoài ra ban kiểm soát đã làm việc tại các đơn vị trực thuộc, chọn mẫu một số trạm. Các cuộc kiểm tra giám sát, tập trung vào các nội dung như:

+ Xem xét báo cáo tài chính và kiểm tra phân phối thu nhập, công nợ phải thu, các khoản chi tiêu tài chính, thực hiện kế hoạch ĐTXD, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, tình hình huy động và sử dụng vốn... của Công ty;

+ Kiểm tra công tác chế biến than, tuổi hàng tồn kho tại các kho, ký kết hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng, quản lý theo dõi GGT nhận than.

+ Kiểm tra việc luân chuyển chứng từ từ trạm về công ty, kiểm tra sổ sách chứng từ, kho than tại một số trạm.

+ Kiểm tra việc xây dựng và thực hiện các qui chế, qui định của Công ty tại các đơn vị trực thuộc;

+ Kiểm tra công tác tuyển dụng, quản lý lao động, thực hiện quy chế tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động;

Từ đó Ban đã đưa ra những kiến nghị cụ thể đối với Công ty, đơn vị trực thuộc.

Trong năm 2017 hoạt động của ban kiểm soát có nhiều khó khăn do 01 thành viên ban kiểm soát đang trong chế độ con nhỏ mang thai. Đầu tháng 7 đến cuối tháng 11 ban khuyết 01 thành viên do được điều động bổ nhiệm làm kế toán trưởng đơn vị trực thuộc. Tháng 12 ban kiểm soát được bổ sung 01 thành viên mới nên đang tìm hiểu, tiếp cận công việc.

Năm 2017 Các phòng trong Công ty, đa số các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về ban kiểm soát tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị chưa chấp hành nghiêm túc như Công ty KD than Nghệ Tĩnh, Công ty KD than Vĩnh Phú, yêu cầu năm 2018 các đơn vị nghiêm túc thực hiện.

Trong thời gian làm việc Ban đã được Ban quản lý điều hành Công ty mẹ, các phòng chuyên môn trong Công ty, đơn vị trực thuộc tạo điều kiện giúp đỡ để Ban hoàn thành nhiệm vụ năm 2017 trước Cổ đông.

3. Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2018

Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2018. các nội dung kiểm tra giám sát tập trung vào các lĩnh vực giám sát công tác điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT. Kiểm tra giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, công tác chế biến than, công nợ phải thu phải trả, hàng tồn kho, công tác tài chính kế toán, lao động thu nhập người lao động, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh kiểm tra tại Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc và các Công ty trực thuộc, một số trạm cửa hàng.

Thẩm định báo cáo tài chính Quý, năm tại Công ty CPKD than Miền Bắc và các Công ty trực thuộc.

Lập báo cáo hoạt động kiểm tra kiểm soát của BKS, báo cáo giám sát, các báo cáo khác theo đúng nội dung, thời gian quy định của Tập đoàn TKV.

Thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo đúng quy định, yêu cầu của Tập đoàn TKV, các cổ đông của Công ty.

HAI
AC
JAN

Các thành viên ban kiểm soát hoạt động kiểm nhiệm phân bổ thời gian hợp lý để đảm bảo tiến độ và chất lượng kiểm soát báo cáo. Dành thời gian nghiên cứu các chính sách chế độ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017, kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát Công ty như trên.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Công ty thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông CTy (Báo cáo);
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Lưu TK CTy.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Đặng Thị Hải Hà



TỜ TRÌNH
LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN
ĐỂ THỰC HIỆN KIỂM TOÁN CÔNG TY NĂM 2018

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin

Để lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin năm 2018, đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong những Công ty kiểm toán trong danh sách mà Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đề nghị tại Văn bản số 6280/TKV-KSNB-KT ngày 22/12/2015 để thực hiện kiểm toán cho Công ty năm 2018, cụ thể:

1. Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.
3. Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hà Nội

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Đặng Thị Hải Hà